BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT KẾT QUẢ THI CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

(kèm theo QĐ số: /QĐ-TĐHTPHCM, ngày tháng năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh)

Khóa thi ngày: 16/02/2022 - tại Trường

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI		GHI CHÚ
						LT	TH	
01	CB 01	Nguyễn Khắc	Bình	21/04/2000	TP. HCM	8,5	3,5	Không Đạt
02	CB 02	Nguyễn Chí	Đại	13/09/2000	Cần Thơ	7,5	5,5	Đạt
03	CB 03	Nguyễn Ngọc Trúc	Đào	15/07/2000	TP. HCM	7,5	6,0	Đạt
04	CB 04	Hồ Tấn	Duy	18/04/1999	TP. HCM	6,5	6,0	Đạt
05	CB 05	Bùi Tấn	Duy	06/10/1998	Đồng Nai	6,0	7,0	Đạt
06	CB 06	Trương Thái	Hà	16/07/2000	Bến Tre	8,5	8,0	Đạt
07	CB 07	Lâm Quang	Hải	02/11/1969	Đà Nẵng	6,0	6,5	Đạt
08	CB 08	Tôn Thất Hồ	Hải	21/02/1998	TP. HCM	6,5	6,0	Đạt
09	CB 09	Vũ Hằng Ngọc	Hân	15/12/1999	TP. HCM	8,5	2,5	Không Đạt
10	CB 10	Lương Thanh	Hân	18/12/1999	Hà Tĩnh	5,5	1,0	Không Đạt
11	CB 11	Đặng Hoàng	Hiệp	15/04/2000	Tiền Giang	7,5	5,5	Đạt
12	CB 12	Nguyễn Minh	Hiếu	08/06/2000	Long An	6,5	2,0	Không Đạt
13	CB 13	Trần Nguyễn Trung	Hiếu	22/11/2000	TP. HCM	9,0	6,0	Đạt
14	CB 14	Lương Huỳnh	Hoa	13/12/2000	TP. HCM	7,5	6,0	Đạt
15	CB 15	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	09/04/2000	Bình Định			Vắng
16	CB 16	Nguyễn Đức	Hoàng	24/08/2000	Bình Phước	8,0	6,5	Đạt
17	CB 17	Nguyễn Trọng	Hưng	26/04/2000	Bình Phước	9,0	6,5	Đạt
18	CB 18	Nguyễn Như	Huy	01/12/2000	Long An	3,5	2,5	Không Đạt
19	CB 19	Hình Hoàng	Huy	21/11/1998	TP. HCM	2,5	4,0	Không Đạt
20	CB 20	Trần Tiến	Khôi	14/03/2002	Lâm Đồng	4,5	4,0	Không Đạt
21	CB 21	Trần Trung	Nghĩa	19/09/1999	TP. HCM	5,5	4,0	Không Đạt
22	CB 22	Thạch Thị Thảo	Nguyên	10/08/1999	Bình Phước	4,0	3,5	Không Đạt
23	CB 23	Nguyễn Ánh	Nguyên	17/11/1999	Bà Rịa-Vũng Tàu	5,0	5,0	Đạt
24	CB 24	Võ Thị Quỳnh	Nhi	14/06/1998	Gia Lai	6,0	5,5	Đạt
25	CB 25	Tạ Thị Yến	Nhi	05/03/1999	Quảng Ngãi	7,5	5,5	Đạt
26	CB 26	Lê Minh	Nhựt	22/07/1995	Tiền Giang	8,5	6,5	Đạt
27	CB 27	Hà Ngọc Tấn	Phát	25/08/1998	TP.HCM	7,5	7,0	Đạt
28	CB 28	Phan Minh	Phát	07/07/2002	TP. HCM	8,5	6,0	Đạt
29	CB 29	Võ Hồng	Phúc	13/08/1999	Long An	9,5	8,0	Đạt
30	CB 30	Lê Hoàng	Phúc	08/05/2000	TP. HCM	6,5	6,5	Đạt
31	CB 31	Đặng Thị Bích	Phương	24/01/1999	Đồng Nai	6,0	6,5	Đạt
32	CB 32	Lâm Tiểu	Phương	08/02/1998	Tây Ninh	6,5	7,0	Đạt
33	CB 33	Nguyễn Hoàng	Phương	09/12/1999	TP. HCM	6,0	7,0	Đạt
34	CB 34	Nguyễn Lữ	Phương	25/05/1979	Bình Định	7,0	7,0	Đạt

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI		GHI CHÚ
						LT	TH	
35	CB 35	Nguyễn Thị Kim	Phượng	24/03/2000	Tiền Giang	9,5	5,5	Đạt
36	CB 36	Cao Thị Như	Phượng	10/03/1997	Cà Mau	8,5	5,5	Đạt
37	CB 37	Nguyễn Ái	Quỳnh	15/07/1999	Ninh Thuận	8,5	6,0	Đạt
38	CB 38	Phạm Minh	Tâm	31/08/2000	Long An	8,5	7,0	Đạt
39	CB 39	Nguyễn Phước	Thiện	12/10/2000	Đồng Nai	8,5	7,0	Đạt
40	CB 40	Huỳnh Nguyễn Hưng	Thịnh	15/07/2000	Tây Ninh	9,0	8,5	Đạt
41	CB 41	Thi Quốc	Toàn	29/10/2000	Tây Ninh	7,5	7,5	Đạt
42	CB 42	Nguyễn Quách Bảo	Trân	14/05/2002	TP. HCM	6,0	7,5	Đạt
43	CB 43	Hồ Trung	Trực	23/02/2000	Tiền Giang	7,5	8,5	Đạt
44	CB 44	Trần Thị Thanh	Tuyên	06/12/1999	Quảng Nam	8,0	7,0	Đạt
45	CB 45	Nguyễn Ngọc Phương	Tuyền	22/03/1999	TP. HCM	7,5	6,5	Đạt
46	CB 46	Đinh Thị Thu	Hà	09/09/1983	Đà Nẵng	8,0	6,0	Đạt

Tổng cộng: 46 thí sinh